|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| Số: 17 /BC-BDT | *Sa Thầy , ngày 23 tháng 5 năm 2017* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát tình hình thực hiện Quyết định số 551/2013/QĐ-TTg**

**ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135**

**về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn và Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016 về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn**

**trên địa bàn huyện**

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-HĐND ngày 28/02/2017 của Ban Dân tộc HĐND về việc giám sát tình hình thực hiện Quyết định số 551/2013/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2014-2016 và Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016 về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi năm 2016*.* Ban Dân tộc HĐND huyện tiến hành giám sát tại Phòng dân tộc, Ban quản lý đầu tư và xây dựng, các xã Rờ Kơi, Sa Bình, Ya Xiêr. Kết quả giám sát, cụ thể như sau:

**I. Đặc điểm tình hình chung của huyện**

Sa Thầy là huyện miền núi, biên giới, nằm về phía Tây Nam. Cách thành phố Kon Tum khoảng 30km; phía Bắc giáp huyện Ngọc Hồi; phía Đông giáp huyện Đắk Hà, Đắk Tô và Thành phố Kon Tum; phía Nam giáp huyện Ia H’Drai và tỉnh Gia Lai; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia. Huyện có diện tích tự nhiên 143.522,3 ha. Dân số cuối năm 2016 khoảng 48.605 nhân khẩu. Dân tộc thiểu số chiếm khoảng 56%, gồm 06 dân tộc chủ yếu sinh sống: Ja Rai, Xơ-đăng (HLăng), Thái, Rơ Mâm, Ba Na (Rơ Ngao), Kinh. Đặc biệt trên địa bàn huyện có dân tộc Rơ Mâm sống tại làng Le xã Mô Rai, là dân tộc thiểu số rất ít người của cả nước, khoảng hơn 400 người.

Toàn huyện có 11 xã, thị trấn, với 74 thôn, làng; có 7 xã thuộc xã đặc biệt khó khăn được hỗ trợ phát triển sản xuất, 11/11 xã, thị trấn được đầu tư cơ sở hạ tầng của chương trình 135; tổng số hộ nghèo 3.986 hộ, chiếm tỷ lệ 32,88% *(hộ nghèo là người dân tộc thiểu số 3.627 hộ, chiếm 90,99%).*

**II. Những thuận lợi, khó khăn**

**1. Thuận lợi**

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện, các cấp, ngành, sự phối hợp giữa các phòng, ban chuyên môn. Sự đầu tư của nhà nước về các chương trình, chính sách góp phần đem lại những thay đổi đáng kể về kinh tế, xã hội cũng như đời sống và thu nhập của nhân dân trên địa bàn huyện.

Sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân được thụ hưởng chương trình, chính sách.

2. **Khó khăn**

**Các xã được đầu tư, hỗ trợ theo Chương trình 135 hầu hết ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, giao thông đi lại khó khăn; dân cư phân bố không tập trung, kinh tế - xã hội kém phát triển; tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Người dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó một bộ phận đồng bào DTTS còn trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước, chưa có ý thức tự vươn lên xoá đói, giảm nghèo.**

Việc ban hành các văn bản hướng dẫn của cấp trên đôi lúc chưa kịp thời ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện cũng như hiệu quả của dự án, đặc biệt là các hạng mục hỗ trợ mang tính thời vụ.

Cán bộ phụ trách chương trình, chính sách ở một số xã do làm kiêm nhiệm, hay thay đổi dẫn đến công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chưa được sâu sát, hiệu quả.

Đối với chính sách cấp không thu tiền một số báo, tạp chí theo Quyết định 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Do Ủy ban Dân tộc và Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam trực tiếp ký kết hợp đồng, do vậy khó khăn trong công tác quản lý .

**III. Kết quả triển khai, thực hiện chương trình 135 giai đoạn 2014-2016 và Quyết định 633 về việc cấp một số ấn phẩm, báo tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Khi có chương trình 135 và Quyết định 633 UBND huyện giao Phòng dân tộc, Ban quản lý đầu tư và xây dựng là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện chương trình.

Qua giám sát thực tế cho thấy, một số đơn vị thực hiện tốt nguyên tắc công khai dân chủ từ cơ sở; các công trình đầu tư, nội dung hỗ trợ sản xuất đều được lấy ý kiến thông qua các cuộc họp từ các thôn, làng, UBND xã tổng hợp trình HĐND xã thông qua, sau đó trình UBND huyện phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

Việc duy tu bảo dưỡng UBND huyện phân cấp cho các xã 11/11 xã, thị trấn làm chủ đầu tư.

Phòng Dân tộc đã phối hợp với Bưu điện huyện cấp đầy đủ, báo tạp chí cho từng xã, thị trấn.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 được chú trọng thực hiện([[1]](#footnote-2)). Qua kiểm tra, giám sát đã nêu lên những tồn tại, để chấn chỉnh kịp thời, chỉ đạo cơ sở khắc phục.

**2. Công tác tuyên truyền phổ biến**

Cùng với việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân được quan tâm, được tăng cường các biện pháp tuyên truyền như: hướng dẫn UBND các xã, thị trấn tổ chức các buổi họp thôn để bình xét đối tượng thụ hưởng, lấy ý kiến với các nhu cầu được hỗ trợ, việc sửa chữa và xây dựng cơ sở hạ tầng từ các chương trình, chính sách.

Thông qua các đợt kiểm tra, giám sát tại cơ sở để nắm tình hình, hướng dẫn cho nhân dân thực hiện các hạng mục hỗ trợ từ các chương trình, chính sách.

Thường xuyên vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, chăm lo sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo.

**3. Kết quả thực hiện**

**3.1. Kết quả thực hiện chương trình 135 về hỗ trợ phát triển sản xuất, giai đoạn 2014-2016**

Tổng kế hoạch vốn triển khai từ năm 2014-2016: 7.706,53 triệu đồng([[2]](#footnote-3)), vốn thực hiện đạt 96,33% so với kế hoạch.

Chủ yếu hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất: Cây trồng như (bời lời, cây cao su); vật nuôi (heo lai, heo địa phương, dê giống, bò giống); vật tư sản xuất (Phân bón các loại, thuốc bảo vệ thực vật).

Hỗ trợ máy móc, thiết bị: Như hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc (Bình phun thuốc các loại, máy tuốt lúa động cơ, máy gặt lúa cầm tay, máy cắt cỏ, bơm nước chìm, mô hình máy tưới…).

Qua giám sát và phỏng vấn trực tiếp các hộ dân được thụ hưởng từ chương trình cho thấy: Việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất **tương đối kịp thời vụ,** phù hợp với điều kiện của địa phương, **người dân từng bước tiếp cận với các loại cây, con giống có năng suất, chất lượng cao. Một số loại cây trồng, vật nuôi phát huy được hiệu quả như bời lời, cao su, giống bò … v.v từng bước tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, góp phần thay đổi tập quán sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.**

Việc hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc, đã giúp cho một số hộ dân giải phóng được phần nào sức lao động chân tay, tăng năng suất lao động.

*(Có bảng biểu đính kèm)*

**3.2. Kết quả thực hiện chương trình 135 về đầu tư cơ sở hạ tầng, giai đoạn 2014-2016**

Tổng kế hoạch vốn được giao giai đoạn 2014-2016([[3]](#footnote-4)): 15.936 triệu đồng vốn thực hiện 15.791 triệu đồng, đạt: 99% so với kế hoạch.

Đầu tư khởi công mới 31 và trả nợ công trình năm trước, trong đó: Công trình: 17 công trình đường giao thông, với chiều dài là 3,214 km; Sửa chữa và làm mới 06 cầu treo với chiều dài là 244,5m; Công trình nước sinh hoạt: 03 công trình (gồm 03 giếng đào, 01 giếng khoan và 01 bể lọc nước); Công trình điện sinh hoạt: 03 công trình (gồm Đường dây trung thế L=283m; 01 trạm biến áp; đường dây hạ thế L=1.051m); Công trình trường học: 01 công trình (gồm 02 phòng học); Công trình thủy lợi: 01 công trình (Sửa chữa).

Nhìn chung, các công trình đưa vào sử dụng cơ bản đều phát huy hiệu quả và phục vụ lợi ích thiết thực cho người dân, được người dân đồng tình tham gia ủng hộ.

*(Có bảng, biểu đính kèm)*

**4. Kết quả thực hiện chính sách cấp không thu tiền một số báo, tạp chí theo Quyết định 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:**

Thực hiện Quyết định 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Để tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS.

Số lượng báo, tạp chí được Ủy ban Dân tộc ký hợp đồng trực tiếp với Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam để cung cấp đồng thời hướng dẫn triển khai thực hiện.Bưu điện huyện đã cấp phát kịp thời, đúng đối tượng các loại báo, tạp chí cho từng xã, thị trấn. Trong năm 2016 đã cấp được tổng số 36.425 tờ báo, tạp chí.

Các loại báo có hình thức đẹp, nội dung phong phú là món ăn tinh thần có ý nghĩa thiết thực cho nhân dân.

**III. Đánh giá chung**

**1. Kết quả đạt được**

Từ nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ của chương trình 135 đã góp phần giúp nhân dân có cơ hội tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ đầu tư giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao, phù hợp với khả năng, phong tục tập quán của địa phương, hỗ trợ vật tư phân bón, các loại máy móc thiết bị giúp bà con từng bước tiếp cận và áp dụng các tiến bộ của khoa học - kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nhằm tăng năng suất, giải phóng sức lao động và sản xuất ra của cải vật chất, tăng thu nhập, ổn định đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Các công trình được đầu tư như đường giao thông, công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt, sửa chữa phòng học. Nhìn chung, các công trình đưa vào sử dụng cơ bản đều phát huy hiệu quả và đáp ứng nhu cầu thiết thực cho người dân. Từng bước nâng cấp, đồng bộ làm thay đổi diện mạo nông thôn các xã đặc biệt khó khăn.

Chính sách cấp không thu tiền một số báo, tạp chí theo Quyết định 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã giúp người dân vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc và miền núi nắm bắt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, biết các mô hình, điển hình lao động, sản xuất, kinh doanh giỏi để học tập và áp dụng để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

**2.** **Tồn tại, hạn chế**

Một số văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung Ương chậm, chưa kịp thời nên địa phương chưa có cơ sở để thực hiện.

Công tác tuyên truyền vận động ở một số xã chưa thường xuyên, liên tục nên còn khó khăn trong công tác họp triển khai, xét đối tượng thụ hưởng. Các đồng chí trưởng thôn chưa thật sự nhiệt tình, thường xuyên vắng mặt. Nên chỉ triệu tập được khoảng 60% hộ dân tham gia họp để bình xét. Một số hộ lựa chọn nhu cầu hỗ trợ chưa phù hợp. Dẫn đến có hộ không có đất trồng trọt hoặc có diện tích nhỏ nhưng vẫn tham gia đăng ký cây trồng, gây lãng phí (Rờ Kơi).

Do định mức hỗ trợ thấp, con giống nhỏ chưa như mong muốn của người dân. Một số hộ chưa chú trọng chăm sóc, chưa làm chuồng trại chăn nuôi, còn thả rông để giống heo, giống dê bị chết, bị mất sau khi hỗ trợ . **Trình độ kỹ thuật của người dân còn hạn chế nên hiệu quả các loại gống cây trồng vật nuôi chưa cao (cây trồng bị chết nhiều, chăm sóc không đúng kỹ thuật, không bón phân...)**  tỷ lệ sống sinh trưởng chỉ còn khoảng 45%. Chưa phát huy được hết hiệu quả của Dự án (Ya Xiêr, Rờ Kơi).

Số hộ nghèo còn cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, một số xã không có doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn nên việc huy động các nguồn lực khác của địa phương để lồng ghép với Chương trình 135 là rất khó. Chưa huy động các nguồn lực lồng ghép các chương trình, chính sách nên nhân dân còn lúng túng trong việc lựa chọn giống cây trồng được hỗ trợ. Chưa thực hiện được các mô hình phát triển sản xuất **do thiếu nguồn vốn, người dân chưa mạnh dạn đầu tư phát triển các mô hình sản xuất;**

Các hạng mục hỗ trợ chưa đáp ứng được theo nhu cầu của người dân về khối lượng cũng như chủng loại.

Việc hỗ trợ cây trồng, phân bón thường chậm chưa kịp thời vụ. Một số hộ trồng xen cây bời lời với cây mì khi nhổ mì thì cây bời lời bị chết nên khả năng cây sống chưa cao (tỷ lệ cây sống khoảng 50%).

Năm 2016 cuối tháng 8 kinh phí mới cấp về, kinh phí cấp muộn ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện.

Việc kiểm tra, giám sát, giải quyết những khó khăn vướng mắc ở cơ sở chưa kịp thời, chưa bao quát. Một số xã chưa lưu trữ danh sách các hộ dân được thụ hưởng của những năm trước, để nắm bắt chương trình triển khai một cách hiệu quả.

Việc tổ chức thực hiện chương trình còn lúng túng; công tác tổ chức, quản lý chương trình có nơi chưa thống nhất (xã Sa Bình).

Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng sau đầu tư các công trình ở cơ sở, nhất là công trình nước sinh hoạt ở các thôn, làng chưa được quan tâm đúng mức.

Nhiều công trình nước sinh hoạt tập trung được đầu tư xây dựng sau thời gian bảo hành bị hư hỏng, không sử dụng được làm lãng phí ngân sách nhà nước. Một số công trình đường giao thông sau một thời gian đưa vào sử dụng chưa hiệu quả, xuống cấp đường liên thôn (thôn Bình An, Bình Trung xã Sa Bình) nên chưa phát huy được hiệu quả.

Nguồn vốn còn hạn chế dẫn đến đầu tư công trình giàn trải, manh mún, không tìm được công trình phù hợp để đầu tư. Ý thức của một bộ phận người dân chưa tốt trong việc quản lý, bảo dưỡng một số công trình.

Việc khảo sát địa bàn, lập hồ sơ dự toán, công tác thẩm định, phê duyệt công trình, giải ngân vốn còn chậm, chưa đúng tiến độ, thời điểm kởi công lại vào mùa mưa phần nào làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình (Ya Xiêr).

Nguồn vốn của Chương trình vẫn còn khiêm tốn so với nhu cầu cần đầu tư. Chưa đáp ứng được theo nhu cầu, nguyện vọng của người dân.

Đa số các xã chưa thành lập được Ban Giám sát để hoạt động, nếu thành lập được cũng mang tính hình thức. Chưa tiến hành sơ kết đánh giá quá trình triển khai thực hiện để nhân rộng những nội dung phát huy được hiệu quả.

Mục tiêu xã có công trình, dân có việc làm tăng thêm thu nhập chưa thực hiện được do người dân chưa đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng

Sự phối hợp giữa các đơn vị và các xã, thị trấn chưa tốt trong việc quản lý, cấp phát và theo dõi tình hình cấp phát các loại báo, tạp chí theo Quyết định 633/QĐ-TTg. Báo và tạp chí mới chỉ tập trung ở hội trường thôn, một số ít bà con quan tâm được đọc, còn một số báo chưa đến tận tay người dân.

**3. Nguyên nhân**

**3.1. Nguyên nhân khách quan**

Do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình chia cắt phức tạp nhất là các xã đặc biệt khó khăn thường xuyên xảy ra hạn hán, giao thông đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa.

Nguồn vốn của các chương trình, dự án còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu về đầu tư, hỗ trợ để phát triển sản xuất cho bà con. Định mức hỗ trợ của các chương trình còn thấp.

Giá cả của các mặt hàng nông sản trong những năm qua không ổn định, ảnh hưởng tâm lý, động lực trong lao động, sản xuất của một số bà con, phần nào làm giảm hiệu quả hỗ trợ từ nguồn vốn của dự án.

**3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Một số xã chưa thật sự quan tâm đến công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện ở cơ sở; chưa xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn làm cơ sở triển khai thực hiện; công tác chỉ đạo đôn đốc kiểm tra chưa thường xuyên liên tục.

Một số cán bộ cơ sở chưa thật sự tâm huyết và có trách nhiệm cao trong thực hiện chương trình, dự án.

Cơ chế quản lý, lồng ghép các nguồn lực còn thiếu đồng bộ, chưa chặt chẽ, vì vậy chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của chương trình, dự án.

Trung ương và tỉnh không bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý, kiểm tra giám sát cho cơ quan thường trực các cấp. Vì vậy, công tác kiểm tra giám sát chưa được thường xuyên.

Các công trình sau khi bàn giao cho các xã quản lý sử dụng thì chưa xây dựng được quy chế quản lý sử dụng công trình trong cộng đồng, ý thức của một bộ phận người dân trong quản lý sử dụng các công trình chưa tốt.

**IV. Kiến nghị, đề xuất**

**1. Đối với UBND huyện**

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát với các đơn vị triển khai thực hiện chương trình, chính sách.

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn UBND các xã ngay khi lập dự án hỗ trợ phát triển sản xuất phải lồng ghép tất cả các nguồn vốn trên địa bàn. Tránh tình trạng hỗ trợ dàn trải, manh mún, hiệu quả mang lại thấp.

Tham mưu UBND tỉnh bổ sung nguồn kinh phí quản lý cho UBND huyện để thực hiện chương trình có hiệu quả.

2. **Đối với phòng Dân tộc, Ban QLDA& ĐTXD huyện**

Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, áp dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi sản xuất cho bà con nông dân để nâng cao trình độ kỹ thuật cho bà con, giúp họ sản xuất có hiệu quả từng bước nâng cao đời sống, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Cung cấp cây giống, con giống kịp thời vụ, máy móc hỗ trợ sản xuất đảm bảo chất lượng.

Tham mưu UBND huyện lồng ghép các nguồn vốn, tạo được nguồn vốn lớn, đáp ứng được nhu cầu cần thiết để đầu tư công trình, tránh nhỏ lẻ manh mún.

Khi hoàn thành công trình cần bàn giao chặt chẽ, có người quản lý để công trình mang lại hiệu quả.

Tiến hành tổng kết, đánh giá hiệu quả tất cả các nội dung hỗ trợ (dự án hỗ phát triển sản xuất) và các công trình (dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng) để rút kinh nghiệm và có giải pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

**3.** **Đối với các xã Ya Xiêr, Sa Bình, Rờ Kơi**

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, định hướng cho bà con nông dân đăng ký cây con giống phù hợp với khí hậu địa phương, chăn nuôi phải làm chuồng trại, chú trọng khâu chăm sóc để đảm bảo chất lượng cây giống, con giống sinh trưởng và phát triển góp phần phát triển kinh tế gia đình.

Thành lập Ban Giám sát hoạt động có hiệu quả, chặt chẽ từ khâu bình xét đối tượng thụ hưởng đến nguồn hàng hóa được cung cấp. Tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ở cơ sở để Chương trình mang lại hiệu quả cao hơn.

Tiến hành sơ kết đánh giá quá trình triển khai thực hiện theo giai đoạn để nhân rộng những nội dung phát huy hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Ban Dân tộc HĐND huyện về tình hình thực hiện Quyết định 551 và Quyết định 633 trên địa bàn huyện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Thường trực HĐND huyện;  - Uỷ ban nhân dân huyện;  - Phòng Dân tộc huyện;  - Ban quản lý đầu tư & xây dựng;  - Các xã, thị trấn;  - Lưu: VT, BDT. | **TM. BAN DÂN TỘC**  **TRƯỞNG BAN**  **(Đã ký)**  **Rơ Châm Lan** |

1. () Báo cáo số 27/BC-BKTXH ngày 14/12/2015 của Ban Kinh tế xã hội của HĐND huyện; Báo cáo số 28/BC-BDT ngày 18/11/2016 của Ban Dân tộc HĐND huyện; Thông báo số 24/TB-BDT ngày 14/12/2016 của Ban dân tộc tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-2)
2. () Năm 2014: Vốn Chương trình 135: 2.579 triệu đồng; năm 2015: 2.432 triệu đồng *(Chương trình 135: 2.271 triệu đồng, vốn lồng ghép 125 triệu đồng, người dân đóng góp 36 triệu đồng); năm 2016: 2.695,53 triệu đồng (Chương trình 135: 1.667 triệu đồng, vốn lồng ghép 46,53 triệu đồng, vốn người dân đóng góp 982 triệu đồng).*  [↑](#footnote-ref-3)
3. () Năm 2014 thực hiện kinh phí 5.666 triệu đồng đạt so với kế hoạch 100%; Năm 2015 kinh phí thực hiện 5.298 triệu đồng đạt so với kế hoạch 100%; Năm 2016 kinh phí thực hiện 4.826 triệu đồng đạt so với kế hoạch 97%. [↑](#footnote-ref-4)